

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 24/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 07 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2022/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 73/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim S, sinh năm: 1994;

HKTT: Ấp P, xã X, huyện Đ, tỉnh P;

Chỗ ở hiện nay: Số 11xx/xx, đường tỉnh lộ x, tổ x, ấp G, xã A, huyện C, Thành phố H. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn Thuận, là luật sư của Công ty luật TNHH MTV Đông An Thuận thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Hồ Quang V, sinh năm: 1989;

HKTT: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Chỗ ở hiện nay: 1xx, đường T, phường T, quận B, Thành phố H. (có mặt)

Người làm chứng do bị đơn tự triệu tập: Ông Hồ Quang B, sinh năm: 1957; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim S trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2016, chị Nguyễn Thị Kim S và anh Hồ Quang V có tiền đến hôn nhân. Hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/7/2016. Sau khi kết hôn anh chị sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Anh V làm bên giao hàng cho Grap còn chị S làm công nhân may tại Công ty Pouyen. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì có mâu thuẫn mà nguyên nhân là do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm, anh V đi làm nhưng không có lo cho gia đình. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, chị S yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Hồ Quang N, sinh ngày 26/6/2017 và Hồ Quang T, sinh ngày 22/10/2018. Hiện 02 con đang sống với anh V. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu được nuôi 02 con chung mà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hồ Quang V trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, con chung thì đúng như chị S trình bày, thời gian sống ly thân là ngày 23/10/2021. Lý do ly thân thì anh không rõ vì chị S tự ý bỏ đi. Vì còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn được đoàn tụ. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S thì anh muốn được nuôi 02 con mà không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 73/2022/HNGĐ-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã quyết định:

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim S được ly hôn với anh Hồ Quang V.

2. *Về con chung:* Giao cháu Hồ Quang N, sinh ngày 26/6/2017 và Hồ Quang T, sinh ngày 22/10/2018 cho anh V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay 02 con đang sống với anh V.

Ghi nhận việc anh V không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, về nợ: Chị S, anh V khai không có nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim S kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Hồ Quang N, sinh ngày 26/6/2017 và Hồ Quang T, sinh ngày 22/10/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị S thay đổi nội dung kháng cáo; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 01 con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V không chấp nhận kháng cáo của chị S, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Kim S được nuôi 01 (một) con chung. Chị S không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung bởi hiện nay chị có công việc và chỗ ở tại Thành phố Hồ Chí Minh, chị mong muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng một trong hai cháu Nam hoặc cháu Thịnh để được gần gũi, trông nom con. Mặt khác, hiện tại anh V có công việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nên cũng không phải là người trực tiếp nuôi con mà gửi cho ông bà nội chăm sóc giùm.

Người làm chứng do bị đơn tự triệu tập trình bày: Các cháu Nam, Thịnh hiện do ông trực tiếp chăm sóc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim S, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm

tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim S và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim S kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung, nợ chung: Ngày 28/3/2022, chị Nguyễn Thị Kim S có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Hồ Quang V. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh V không đồng ý ly hôn, nhưng cả anh và chị đều thừa nhận về việc hai bên đã không sống chung từ ngày 23/10/2021. Cả chị S và anh V cũng không tìm ra được giải pháp nào để giải quyết tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, tình trạng mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh V và chị S đều cùng khai anh chị không có tài sản chung, nợ chung. Do đó, cấp sơ thẩm giải quyết cho anh chị được ly hôn và không xem xét tài sản chung, nợ chung là có căn cứ. Sau khi Tòa án sơ thẩm tuyên án, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về các nội dung này nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim S không đồng ý giao con cho anh V nuôi dưỡng nên có kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm chị S thay đổi kháng cáo, chị yêu cầu được nuôi 01 con chung.

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim S thấy rằng: Anh V và chị S có 02 con chung cháu Hồ Quang N, sinh ngày 26/6/2017 và Hồ Quang T, sinh ngày 22/10/2018.

Chị S trình bày trước đây khi sinh con thì chị S về quê ngoại (huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên) và gửi con để ông bà ngoại chăm sóc cháu. Đến khi cháu Nam được 02 tuổi và cháu Thịnh gần 4 tháng thì được đưa về quê nội (huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre) sinh sống. Đến tháng 01/2022, chị có về Bến Tre để đón các con về thăm quê ngoại và để các cháu ở lại ngoài Phú Yên luôn, chị vào lại thành phố Hồ Chí Minh để làm việc. Đến tháng 3/2022, anh V ra Phú Yên đón các con trở về quê nội sinh sống cho đến nay.

Cả anh V và chị S khi ly hôn đều có nguyện vọng nuôi con chung. Mặc dù anh chị không chứng minh được nguồn thu nhập hàng tháng cụ thể của từng người là bao nhiêu, nhưng cả hai đều đang có công việc ổn định, có thể tạo ra thu nhập nên xét về điều kiện kinh tế thì anh chị đều có khả năng nuôi con. Về điều

kiện chăm sóc con hiện tại, thấy rằng nếu hai cháu được giao cho anh V hoặc chị S thì việc ở bên cạnh để trực tiếp chăm sóc con cái của anh chị đều có hạn chế, bởi anh V và chị S đều đang đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, người chăm sóc chủ yếu cũng là ông bà nội hoặc ông bà ngoại, các cháu cũng không được thường xuyên gần gũi cả cha lẫn mẹ. Xét về điều kiện sinh sống và sinh hoạt, theo đơn kháng cáo của chị S có nêu thì thời gian cháu Nam và cháu Thịnh sinh sống ở bên ngoại là từ khi sinh ra và cho đến khi cháu Nam được 02 tuổi và cháu Thịnh gần 4 tháng thì về bên ngoại sống. Đến tháng 01/2022 có trở về bên ngoại sống một thời gian thì tháng 3/2022 anh V đón các cháu trở về bên nội sống cho đến nay. Theo đơn xác nhận anh V giao nộp cho Tòa án tại cấp phúc thẩm các cháu đang sinh sống với ông bà nội, được đi học mầm non. Các cháu đều có thời gian sinh sống bên nội và cũng có thời gian sinh sống bên ngoại.

Hiện nay, anh V có công việc ở Thành phố Hồ Chí Minh, việc chăm sóc hai con chung là do ông bà nội trực tiếp chăm sóc. Chị S trình bày hiện nay chị có công việc tại nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh nên có điều kiện trực tiếp để chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh V cũng thừa nhận hiện nay chị S có địa chỉ cư trú và công việc ở huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, các cháu còn nhỏ, cả 02 cháu đều hơn 36 tháng tuổi và dưới 07 tuổi nên cần sự chăm sóc trực tiếp của cha mẹ. Hiện nay, các cháu đều do ông bà nội nuôi. Do đó, cần giao các cháu cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, do chị S thay đổi nội dung kháng cáo và có nguyện vọng được chăm sóc 01 cháu. Vì vậy, cần giao mỗi cháu cho 01 người trực tiếp nuôi để đảm bảo điều kiện chăm sóc giành cho các cháu được tốt hơn. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu nhỏ (Hồ Quang T, sinh ngày 22/10/2018) cho chị S trực tiếp nuôi, giao cháu lớn (Hồ Quang N, sinh ngày 26/6/2017) cho anh V trực tiếp nuôi là phù hợp. Chị S không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim S là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về phần con chung.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Kim S không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim S.

Sửa một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 73/2022/HNGĐ-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Áp dụng Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim S được ly hôn với anh Hồ Quang V.

2. *Về con chung:*

- Giao cháu Hồ Quang N, sinh ngày 26/6/2017 cho anh Hồ Quang V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao cháu Hồ Quang T, sinh ngày 22/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Hồ Quang V phải giao cháu Hồ Quang T cho chị Nguyễn Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc anh V, chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, về nợ:* Chị S, anh V khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm :* Chị Nguyễn Thị Kim S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai

thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007174 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị S đã nộp xong.

5. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Chị Nguyễn Thị Kim S không phải chịu; trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim S số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008163 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III TANDTC;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thế Hồng